

MARKET INSIGHTS REPORTS

28/03/2023

ĐÓNG NẮP NỘI HÀM HAY TIẾP TỤC XU HƯỚNG
ĐI NGANG CỬ



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt theo mô hình lý thuyết nhưng độ rộng thị trường hôm nay lại tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index hiện tại về cơ bản vẫn giao dịch trong khung giá 1,030 – 1,130 mà chúng tôi chia sẻ và hiện đã là tuần giao dịch thứ 9 – Đây là xu hướng trung hạn. (ii) Chúng tôi xem xét mẫu hình dài hạn hơn đối với VN-Index và nhận thấy vận động hiện tại có cấu trúc giá tích lũy sớm của phân đoạn tăng. Cấu trúc này thị trường đã bước sang giai đoạn 1-3 là tích lũy muộn. Đặc trưng của giai đoạn này các Higher Low sẽ thường xuyên phát triển nhưng cổ phiếu đã không phá vỡ kháng cự dài hạn tạo ra bởi Higher High. Đường trung bình động ở dạng phẳng bởi người mua chậm kiểm soát. (iii) Với hệ thống giao dịch đường trung bình động, chúng tôi thấy những dấu hiệu xác nhận xu hướng giá đang thay đổi sang thành xu hướng tăng (giá cắt lên MA(5), MA(8) và MA(13)). Nếu ngày mai VN-Index tiếp tục hình thành nền xanh xu hướng này được xác nhận; (v) Mẫu hình Failling Wedge hình thành từ tháng 2/2023 vẫn tồn tại kháng cự. Chúng ta cần một phiên bứt phá mạnh mẽ của thị trường để xác nhận xu hướng.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 10 mã cho tín hiệu bán, 10 mã cho tín hiệu đi ngang. VCB, PDR, MWG, TCB, MBB, CTG...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 43.67% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch tăng điểm vào ngày mai nhưng giá đóng cửa lại thấp hơn. Theo quan điểm của chúng tôi nếu tăng chỉ số sẽ có đà tăng mạnh hơn. Hỗ trợ vùng 1,015 điểm và kháng cự là vùng 1,100 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Ngành công nghệ tại Mỹ đang sa thải lao động nhiều nhất;
- Tập doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc và vải 2T đầu năm và tăng trưởng sản xuất toàn ngành;

TTCK Mỹ: Dự báo tối nay các chỉ số sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm điểm
Chart Advisor / Focus on the Price

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	453
Số cổ phiếu không có giao dịch	35
Số cổ phiếu tăng giá	201 / 41.19%
Số cổ phiếu giảm giá	185 / 37.91%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	102 / 20.90%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	216
Số cổ phiếu không có giao dịch	126
Số cổ phiếu tăng giá	79 / 23.10%
Số cổ phiếu giảm giá	75 / 21.93%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	188 / 54.97%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	319
Số cổ phiếu không có giao dịch	538
Số cổ phiếu tăng giá	126 / 14.70%
Số cổ phiếu giảm giá	101 / 11.79%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	630 / 73.51%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	38,346,859	28,856,411	9,490,448
% KL toàn thị trường	5,92%	4,45%	
Giá trị	1110,63 tỷ	979,86 tỷ	130,77 tỷ
% GT toàn thị trường	11,42%	10,08%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	525,219	161,739	363,480
% KL toàn thị trường	0,67%	0,21%	
Giá trị	12,05 tỷ	2,98 tỷ	9,07 tỷ
% GT toàn thị trường	1,68%	0,42%	

UPCOM

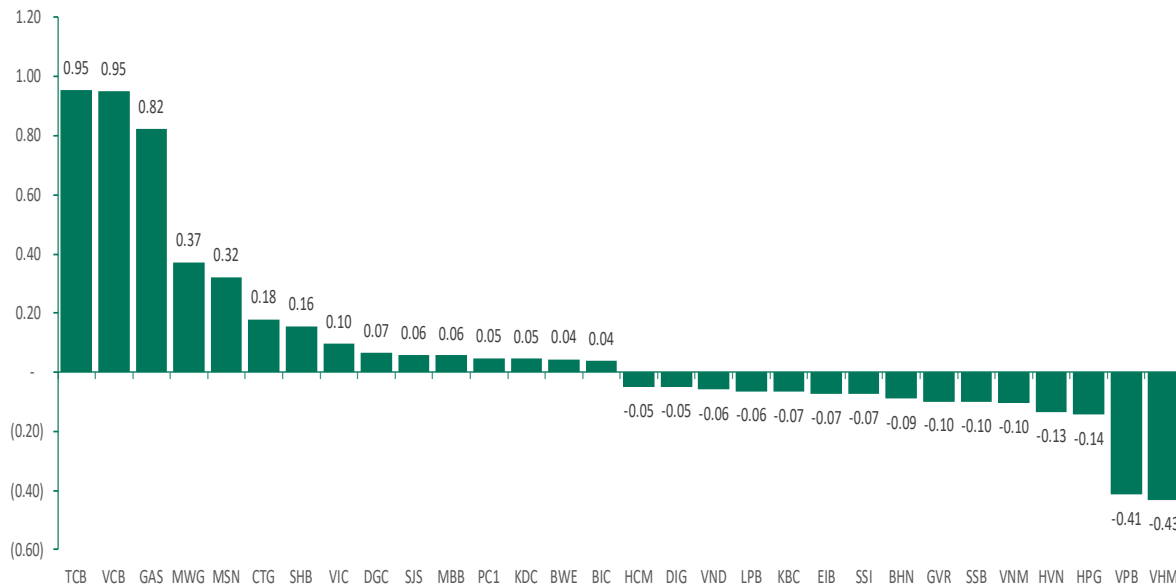
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	93,954	251,500	-157,546
% KL toàn thị trường	0,33%	0,88%	
Giá trị	3,87 tỷ	8,02 tỷ	-4,15 tỷ
% GT toàn thị trường	1,49%	3,08%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

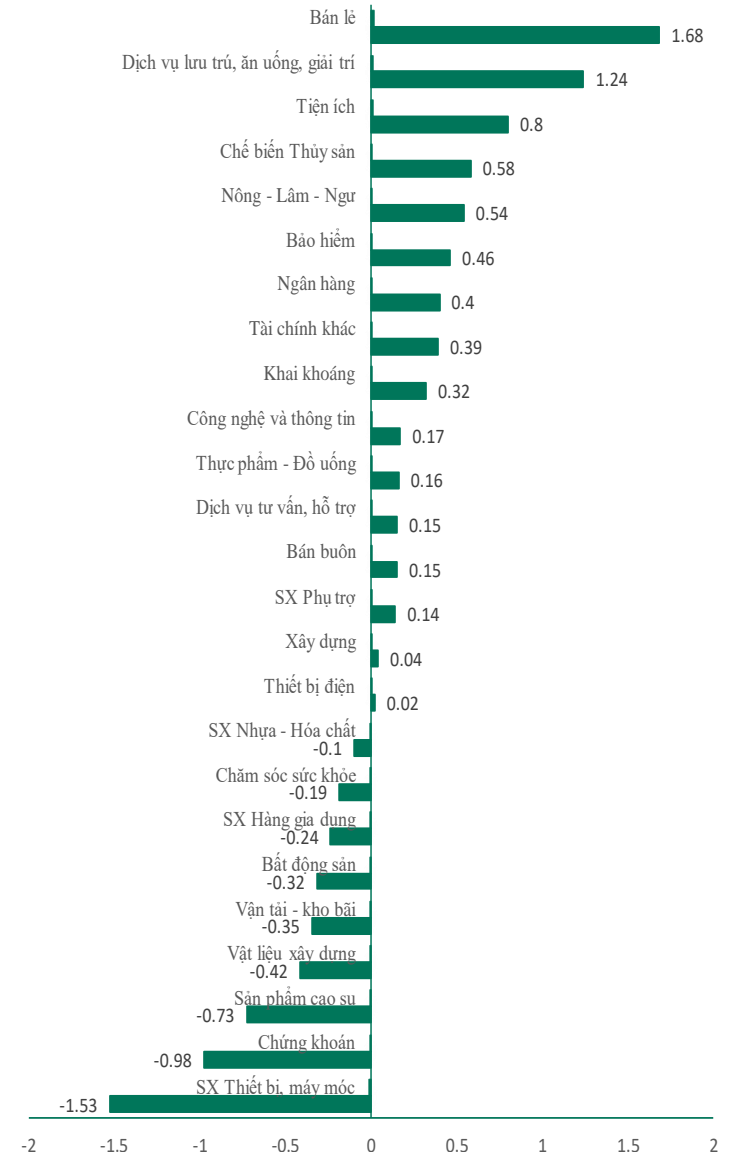
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	845,800	91,800	800 (0.88%)	14.53	3.15	6,316	434,445
2	BID	504,000	46,000	0 (0%)	26.60	2.23	1,729	232,692
3	VHM	2,550,000	48,000	-400 (-0.83%)	7.25	1.41	6,621	209,010
4	VIC	782,500	53,400	100 (0.19%)	23.72	1.50	2,251	203,664
5	GAS	270,800	103,700	1,700 (1.67%)	13.56	3.24	7,649	198,477
6	VNM	1,650,000	74,400	-200 (-0.27%)	20.48	4.74	3,632	155,493
7	VPB	37,168,400	21,000	-250 (-1.18%)	7.72	1.36	2,719	140,977
8	CTG	1,898,500	28,900	150 (0.52%)	8.63	1.28	3,347	138,886
9	HPG	12,329,100	20,700	-100 (-0.48%)	14.26	1.25	1,452	120,366
10	SAB	59,800	186,000	0 (0%)	23.30	4.85	7,983	119,278

TOP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Đóng nắp nỗi niềm hay tiếp tục xu hướng cũ

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 2.04 điểm (+ 0.19%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Bán lẻ, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, tiện ích, chế biến thủy sản, nông lâm ngư ... là nhóm giảm giá ít nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được kìm hãm bởi các cổ phiếu như MWG, SVC, HAX, HOT, NVT, OCH, BWE, CNG, ANV, VHC, BAF, HAG, HNG.. Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “Long White Candle”;
- ✓ Hệ thống giao dịch đường trung bình động xác nhận cổ phiếu thay đổi theo xu hướng tăng – Mẫu hình giao dịch MA(5) cắt lên MA(8) và cắt lên MA(13);
- ✓ Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14);
- ✓ Khối lượng giao dịch gần đây tăng và nằm trên mức trung bình 20 ngày;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 49%;

(ii) ANV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình giao dịch là “Open White Marubozu”;
- ✓ Giao dịch tạo mô hình phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều;
- ✓ Trung hạn giá vận động theo mô hình ABCD thiết lập từ ngày 02/02/2023 tới nay. Mẫu hình này có vùng giá mục tiêu là 37.2 (Cũng tương ứng với kháng cự động MA(200));
- ✓ Doanh số xuất khẩu 2T/2022 của ANV là 17.5 triệu đô giảm khoảng 8% so với cùng kỳ và là mức giá ít hơn so với VHC. Cùng với giá cước vận tải giảm mạnh so với cùng kỳ, chúng tôi cho rằng ANV vẫn duy trì mức lãi quanh mức 170 tỷ trong Q1/2023;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iii) BWE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch “Bullish Engulfing”
- ✓ Mẫu hình giao dịch ngắn hạn là tam giác và trung hạn có mẫu hình giống lá cờ chưa được xác nhận;
- ✓ Khối lượng không xác nhận bất kỳ tín hiệu tăng giá nào;
- ✓ RSI(14) cũng không phải là mô hình tăng giá lý tưởng;
- ✓ Với mẫu hình hiện tại, xu hướng đi ngang sẽ cao hơn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(2) Sản xuất thiết bị máy móc, chứng khoán, sản phẩm cao su, vật liệu xây dựng, vận tải kho bãi ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt NAG, THI,

VIX, VND, VCI, SSI, HPG, HSG, NKG, DRC, CSM, GSP, HVN, VJC .. Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) HVN điều chỉnh giảm nhẹ trong ngày;

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch “Last Engulfing Bottom”;
- ✓ Đường giá nằm trên đường hỗ trợ nhưng RSI(14) đã phá vỡ mốc hỗ trợ - Một tín hiệu cảnh báo sự điều chỉnh sớm của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 65%;

(ii) HPG điều chỉnh giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền “Black Closing Mazuboru”;
- ✓ Về kỹ thuật, HPG đang xuất hiện điểm mua vàng;
- ✓ Giao dịch ngắn hạn đi ngang không xu hướng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt theo mô hình lý thuyết nhưng độ rộng thị trường hôm nay lại tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index hiện tại về cơ bản vẫn giao dịch trong khung giá 1,030 – 1,130 mà chúng tôi chia sẻ và hiện đã là tuần giao dịch thứ 9 – Đây là xu hướng trung hạn. (ii) Chúng tôi xem xét mẫu hình dài hạn hơn đối với VN-Index và nhận thấy vận động hiện tại có cấu trúc giá tích lũy sớm của phân đoạn tăng. Cấu trúc này thị trường đã bước sang giai đoạn 1-3 là tích lũy muộn. Đặc trưng của giai đoạn này các Higher Low sẽ thường xuyên phát triển nhưng cổ phiếu đã không phá vỡ kháng cự dài hạn tạo ra bởi Higher High. Đường trung bình động ở dạng phẳng bởi người mua chậm kiểm soát. (iii) Với hệ thống giao dịch đường trung bình động, chúng tôi thấy những dấu hiệu xác nhận xu hướng giá đang thay đổi sang thành xu hướng tăng (giá cắt lên MA(5), MA(8) và MA(13)). Nếu ngày mai VN-Index tiếp tục hình thành nền xanh xu hướng này được xác nhận; (v) Mẫu hình Failling Wedge hình thành từ tháng 2/2023 vẫn tồn tại kháng cự. Chúng ta cần một phiên bứt phá mạnh mẽ của thị trường để xác nhận xu hướng.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 10 mã cho tín hiệu mua, 10 mã cho tín hiệu bán, 10 mã cho tín hiệu đi ngang. VCB, PDR, MWG, TCB, MBB, CTG...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 43.67% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch tăng điểm vào ngày mai nhưng giá đóng cửa lại thấp hơn. Theo quan điểm của chúng tôi nếu tăng chỉ số sẽ có đà tăng mạnh hơn. Hỗ trợ vùng 1,015 điểm và kháng cự là vùng 1,100 điểm.

HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỎ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNY30	367.09	368.31	365.88	NO	369.63	374.59	377.13	382.09	362.13	359.59	354.63	352.09
HNYINDEX	206.22	206.45	205.99	NO	207.48	209.2	210.46	212.18	204.5	203.24	201.52	200.26
UPINDEX	75.62	75.66	75.58	YES	75.86	76.18	76.42	76.74	75.3	75.06	74.74	74.5
VN30	1059.38	1059.66	1059.1	YES	1064.12	1069.43	1074.17	1079.48	1054.07	1049.33	1044.02	1039.28
VNXALL	1610.16	1611.51	1608.82	YES	1615.29	1623.11	1628.24	1636.06	1602.34	1597.21	1589.39	1584.26
VNINDEX	1055.29	1055.79	1054.79	YES	1058.83	1063.37	1066.91	1071.45	1050.75	1047.21	1042.67	1039.13
VN30F1M	1053.87	1055.05	1052.68	NO	1057.63	1063.77	1067.53	1073.67	1047.73	1043.97	1037.83	1034.07
VN30F2M	1050.3	1051.7	1048.9	NO	1053.1	1058.7	1061.5	1067.1	1044.7	1041.9	1036.3	1033.5
VN30F1Q	1049.63	1051	1048.27	NO	1052.37	1057.83	1060.57	1066.03	1044.17	1041.43	1035.97	1033.23
VN30F2Q	1046.87	1048.3	1045.43	NO	1049.73	1055.47	1058.33	1064.07	1041.13	1038.27	1032.53	1029.67
BID	46.27	46.4	46.13	NO	46.53	47.07	47.33	47.87	45.73	45.47	44.93	44.67
BVH	48.67	48.75	48.58	NO	48.83	49.17	49.33	49.67	48.33	48.17	47.83	47.67
CTG	28.88	28.88	28.89	YES	29.02	29.13	29.27	29.38	28.77	28.63	28.52	28.38
GVR	14.92	14.98	14.86	NO	15.03	15.27	15.38	15.62	14.68	14.57	14.33	14.22
HDB	18.13	18.13	18.14	YES	18.32	18.48	18.67	18.83	17.97	17.78	17.62	17.43
GAS	103.4	103.25	103.55	NO	104.4	105.1	106.1	106.8	102.7	101.7	101	100
FPT	78.63	78.35	78.92	NO	79.77	80.33	81.47	82.03	78.07	76.93	76.37	75.23
HPG	20.8	20.85	20.75	NO	20.9	21.1	21.2	21.4	20.6	20.5	20.3	20.2
KDH	26.92	27	26.83	NO	27.33	27.92	28.33	28.92	26.33	25.92	25.33	24.92
MBB	18.1	18.15	18.05	NO	18.2	18.4	18.5	18.7	17.9	17.8	17.6	17.5
MWG	38.83	38.7	38.97	NO	39.57	40.03	40.77	41.23	38.37	37.63	37.17	36.43
MSN	77.4	77.3	77.5	NO	78	78.4	79	79.4	77	76.4	76	75.4
NVL	12.83	12.95	12.72	NO	13.07	13.53	13.77	14.23	12.37	12.13	11.67	11.43
PLX	35.92	35.97	35.86	NO	36.13	36.47	36.68	37.02	35.58	35.37	35.03	34.82
PDR	12.57	12.63	12.51	NO	12.78	13.12	13.33	13.67	12.23	12.02	11.68	11.47
POW	13.35	13.38	13.32	NO	13.45	13.6	13.7	13.85	13.2	13.1	12.95	12.85
SAB	185.9	185.85	185.95	YES	186.6	187.2	187.9	188.5	185.3	184.6	184	183.3
SSI	20.95	21.02	20.87	NO	21.15	21.5	21.7	22.05	20.6	20.4	20.05	19.85
TCB	27.32	27.2	27.43	NO	27.93	28.32	28.93	29.32	26.93	26.32	25.93	25.32
STB	25.57	25.65	25.48	NO	25.83	26.27	26.53	26.97	25.13	24.87	24.43	24.17
TPB	21.97	22.03	21.91	NO	22.08	22.32	22.43	22.67	21.73	21.62	21.38	21.27
VHM	48.17	48.25	48.08	NO	49.33	50.67	51.83	53.17	46.83	45.67	44.33	43.17
VCB	91.6	91.5	91.7	NO	93.1	94.4	95.9	97.2	90.3	88.8	87.5	86
VIB	21.27	21.33	21.21	NO	21.38	21.62	21.73	21.97	21.03	20.92	20.68	20.57
VJC	105.87	105.6	106.13	NO	107.23	108.07	109.43	110.27	105.03	103.67	102.83	101.47
VIC	53.4	53.4	53.4	YES	53.6	53.8	54	54.2	53.2	53	52.8	52.6
VPB	21.05	21.08	21.03	NO	21.55	22.1	22.6	23.15	20.5	20	19.45	18.95
VRE	29.32	29.35	29.28	NO	29.58	29.92	30.18	30.52	28.98	28.72	28.38	28.12
VNM	74.7	74.85	74.55	NO	75	75.6	75.9	76.5	74.1	73.8	73.2	72.9
VRE	29.93	29.65	30.22	NO	31.32	32.13	33.52	34.33	29.12	27.73	26.92	25.53

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
NVL	30,738,800	13,481,350	228	-0.79
HQC	19,802,400	9,712,070	204	2.19
HHV	13,761,000	4,912,590	280	1.5
ACB	8,286,100	2,949,670	281	0
TCB	7,664,400	2,131,050	359.65	3.96
SBS	5,246,500	1,327,240	395	5.77
MWG	4,198,400	1,677,970	250	2.62
DBC	4,125,500	1,628,630	253.31	0
HHS	3,574,900	1,012,270	353	2.2
FCN	3,509,300	1,630,700	215	-2.12
IDJ	3,190,100	1,257,480	253.69	2.41
PC1	3,124,400	1,179,890	265	2.54
APH	2,825,900	525,660	538	2.16
HT1	2,510,700	1,118,450	224	-0.65
QBS	1,922,900	680,890	282	2.27
ANV	1,763,100	875,090	201.48	2.43
PLC	1,509,900	682,120	221	4.22
SGH	1,391,700	82,360	1,690	-3.69
MST	1,287,800	340,410	378	5.13
LIG	1,213,200	439,320	276	0
SZC	1,178,500	562,010	209.69	-1.21
BSI	1,003,800	390,580	257	0.51
TGG	872,300	261,740	333	6.93
ABB	805,900	396,490	203	1.27
BII	768,400	375,800	204	0
HTN	720,100	244,370	294.68	1.82
AAT	625,800	284,920	220	-0.99
API	621,100	173,620	358	2.38
HHP	585,000	108,560	539	6.89
L14	581,400	234,850	248	4.19
FID	550,300	143,470	384	6.67
DL1	541,000	198,050	273	2.94
ST8	534,200	185,410	288	-6.9
VHE	473,600	91,900	515	-3.33
LDP	447,700	118,100	379	0
TDC	434,600	123,170	353	2.65
TCI	391,700	174,620	224	-1.27
NTL	361,100	123,470	292	0
PCH	347,000	57,060	608	-2.08
CKG	312,400	131,600	237	2.05

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: NVL, HQC, HHV... bùng nổ khối lượng giao dịch;

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
27-Mar	VIX	Mua	≤ 7.7	10% -20%	Mẫu hình Bullish Trend Shift với hệ thống MA/Cổ phiếu có tính đầu cơ cao
27-Mar	VCG	Mua	≤ 21.5	10% -20%	Mẫu hình Bullish Trend Shift với hệ thống MA/Cổ phiếu có tính đầu cơ cao

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi mở **KHÔNG MỞ MUA** cổ phiếu mới;
- Thị trường đang vận động theo mô hình tích lũy sớm giai đoạn 1-3. Đây là mô hình tăng giá;
- Kháng cự xác nhận sự chuyển biến của mô hình là mốc 1,130 điểm.
- Nghiệp vụ thị trường mở: NHNN đảo chiều hút ròng nhẹ với khối lượng gần 1.9 nghìn tỷ thông qua nghiệp vụ thị trường mở, chủ yếu do khối lượng đáo hạn trên kênh OMO. Cụ thể, NHNN tạm dừng kênh phát hành tín phiếu trong tuần và không có tín phiếu đáo hạn trong tuần, tương ứng khối lượng lưu hành trên kênh này duy trì ở mức gần 111 nghìn tỷ đồng. Trên kênh OMO, chỉ có 215.5 tỷ đồng trúng thầu kỳ hạn 28 ngày trong phiên 20/3 trên 25 nghìn tỷ gọi thầu. Với gần 2.2 nghìn tỷ khối lượng đáo hạn trên OMO, khối lượng lưu hành trên kênh này giảm xuống chỉ còn 1.2 nghìn tỷ đồng;
- Lãi suất liên ngân hàng: Sau quyết định điều chỉnh hạ lãi suất điều hành của NHNN hiệu lực từ 15/3/2023, mặt bằng lãi suất LNH tiếp tục giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn trong tuần qua. Kết tuần, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm mạnh từ mức 3.4% cuối tuần trước xuống mức 1.14% (tương đương giảm 2.26%), lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống mức 1.51% (tương đương giảm 2.15%). So với đầu năm, lãi suất liên ngân hàng đã giảm từ 3% - 4% ở các kỳ hạn thanh khoản dưới 1 tháng trong bối cảnh thanh khoản hệ thống dồi dào và tăng trưởng tín dụng còn khá chậm trong giai đoạn đầu năm
- Chúng tôi dự báo tốc độ suy giảm doanh thu của nhóm phi sản xuất sẽ chạm đáy trong Q1/2023 với mức giảm từ 10 – 30% tùy ngành và lợi nhuận ròng có thể từ 10 – 20%. Như vậy, về mặt định giá cơ bản, tốc độ suy giảm lợi nhuận sẽ bắt đầu chạm đáy và tăng dần trở lại từ Q2/2023 trở đi;
- Ngành ngân hàng được dự báo vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dương trong Q1;

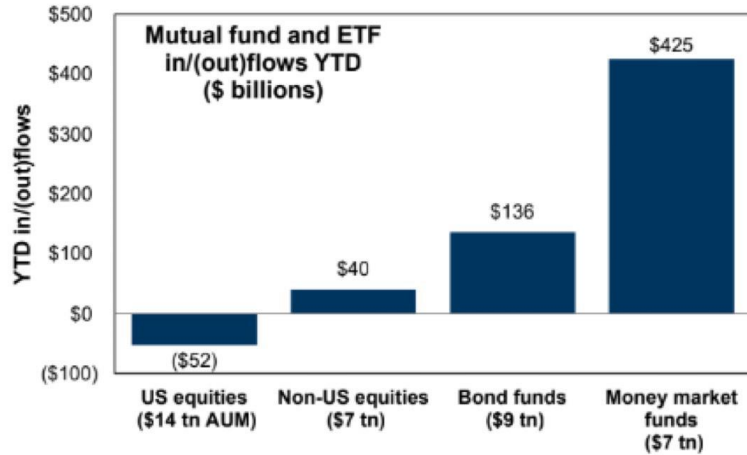
Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị phần lớn đều đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
 - Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
 - Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
 - Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

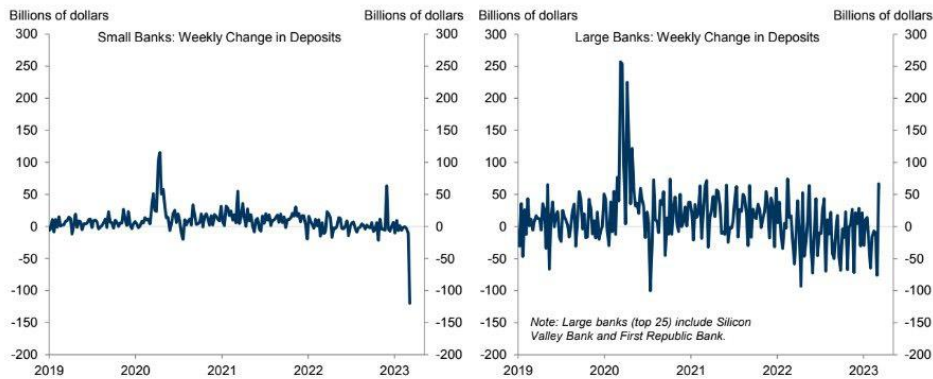
Tiền rút ra khỏi ngân hàng nhỏ và đổ vào quỹ tiền tệ và ngân hàng lớn

Exhibit 2: YTD mutual fund and ETF flows have favored yield-bearing assets
as of March 23, 2023; Monthly data where available, otherwise weekly



Source: EPFR, Goldman Sachs Global Investment Research

Exhibit 1: Deposits Decreased by \$120bn at Small Banks and Increased by \$67bn at Large Banks in the Week Ending March 15



Source: Federal Reserve Board, Goldman Sachs Global Investment Research

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam

Thời gian báo cáo	Tổng số	Chia theo nguồn hàng			
		Hàng xuất khẩu	Hàng nhập khẩu	Hàng nội địa	Hàng quá cảnh bốc dỡ
	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn
2022 12	733,181	179,072	209,259	342,793	2,057
2022 11	666,529	162,793	190,235	311,630	1,871
2022 10	609,611	148,526	173,810	285,487	1,788
2022 09	550,273	134,277	156,900	257,492	1,604
2022 08	495,577	121,511	142,103	230,655	1,308
2022 07	433,831	106,367	125,010	201,194	1,260
2022 06	371,645	92,139	107,284	171,071	1,151
2022 05	306,527	77,365	87,134	141,467	561
2022 04	240,969	61,951	67,489	110,993	536
2022 03	177,034	45,996	49,395	81,398	245
2022 02	112,260	28,747	32,071	51,182	112
2022 01	63,777	16,548	18,194	28,933	101
2021 12	706,137	185,139	213,535	305,828	1,633

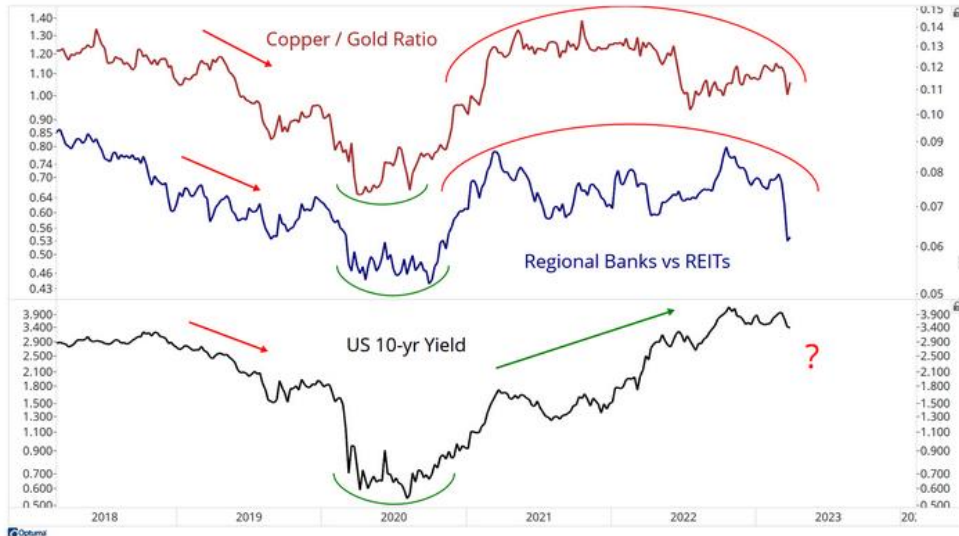
TĂNG TRƯỞNG (%YOY)_LŨY KẾ

Thời gian báo cáo	Tổng số	Chia theo nguồn hàng			
		Hàng xuất khẩu	Hàng nhập khẩu	Hàng nội địa	Hàng quá cảnh bốc dỡ
	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn	Nghìn tấn
2022 12	3.83%	-3.28%	-2.00%	12.09%	25.96%
2022 11	3.43%	-3.73%	-3.00%	12.24%	18.27%
2022 10	3.63%	-2.58%	-4.16%	12.94%	7.45%
2022 09	3.61%	-1.22%	-5.69%	13.22%	17.17%
2022 08	2.91%	0.00%	-6.06%	11.13%	7.48%
2022 07	1.93%	-0.02%	-6.52%	9.08%	19.32%
2022 06	1.99%	0.78%	-6.12%	8.50%	13.40%
2022 05	1.36%	0.27%	-8.07%	9.15%	-36.03%
2022 04	4.71%	5.21%	-5.68%	12.13%	-23.43%
2022 03	2.66%	4.16%	-7.96%	9.65%	-35.50%
2022 02	2.88%	7.65%	-6.15%	6.67%	-57.07%
2022 01	2.69%	15.39%	-6.11%	2.33%	-11.07%
2021 12	2.00%	4.37%	-5.38%	6.28%	-12.63%

TTCK MỸ: Nhà đầu tư quay trở lại cổ phiếu tăng trưởng ?

Đọc về lợi suất

Hai mối quan hệ đã được chứng minh là rất hữu ích trong việc cung cấp cái nhìn sâu sắc về thị trường trái phiếu là tỷ lệ đồng/ vàng và tỷ lệ ngân hàng khu vực/REITs. Tất cả được đặt trong mối tương quan với lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ 10 năm:



Các tỷ lệ này trong lịch sử có mối tương quan tích cực đáng kể với chính lợi suất. Do tính chất thuận chu kỳ của nó, đồng có xu hướng hoạt động tốt hơn vàng trong môi trường lãi suất tăng. Tương tự như vậy, các ngân hàng, do tính kinh tế của hoạt động cho vay của họ, có xu hướng hoạt động tốt hơn các phương án thay thế vốn chủ sở hữu khi lợi suất tăng cao hơn. Tuy nhiên, như được minh họa bởi sự hình thành đỉnh trong các tỷ lệ này, mối tương quan của chúng với sản lượng đã bị xáo trộn trong những năm gần đây. Với việc lợi suất trái phiếu kho bạc có vẻ dễ bị tổn thương ở các mức hỗ trợ quan trọng, tỷ lệ lợi suất bắt đầu thấp hơn trong tương lai gần để xác nhận sự phá vỡ của hai tỷ lệ này có thể cao.

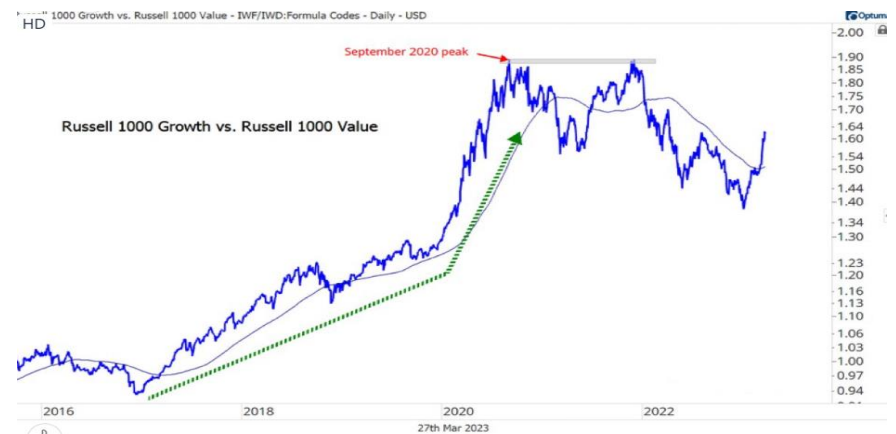
Cổ phiếu có hiệu suất tốt hơn hàng hóa?

Hàng hóa là loại tài sản có hiệu suất tốt nhất trong hai năm qua. Tuy nhiên, khi chúng ta so sánh chúng với cổ phiếu, bằng chứng cho thấy xu hướng đảo ngược có thể đang diễn ra. Biểu đồ bên dưới cho thấy tỷ lệ S&P 500 (SPX) so với Chỉ số hàng hóa CRB (CRB) tạo ra sự hình thành đáy trong năm qua. Với việc giá chạm vào các giới hạn trên của phạm vi với đường

trung bình động (MA) 200 ngày đã đi ngang và tăng cao hơn, cổ phiếu có thể tăng cao hơn so với hàng hóa và bắt đầu hoạt động tốt hơn trong các khung thời gian dài hơn. Ít nhất điều này có ý nghĩa với công cuộc chống lạm phát của FED.



Cổ phiếu tăng trưởng đang giao dịch tốt hơn cổ phiếu giá trị và vượt qua đường MA(200) kể từ tháng 9/2020



Kết luận: Dự báo tối nay các chỉ số sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm điểm.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769